

TÌM HIỂU QUÁ TRÌNH MỞ RỘNG CỘNG ĐỒNG MINH HƯƠNG QUA SÁCH ĐẠI NAM THỰC LỤC

LÊ THỊ VĨ PHƯƠNG

Là một trong những nhóm di dân từ Trung Quốc, cộng đồng Minh Hương đã có mặt trong lịch sử xã hội Việt Nam từ khoảng thế kỷ XVI. Trong suốt thời gian tồn tại của mình, họ mặc nhiên tự thừa nhận và được thừa nhận là người Việt gốc Hoa. Tuy nhiên, sự xuất hiện cũng như quá trình hình thành cộng đồng của nhóm người này là một hiện tượng khá phức tạp trong lịch sử cộng đồng dân tộc Việt Nam. Thông qua việc hệ thống lại nguồn tư liệu về người Minh Hương trong sách Đại Nam thực lục, bài viết tiến hành phân tích đôi nét về diện mạo cũng như quá trình mở rộng của cộng đồng này dưới triều Nguyễn.

1. TƯ LIỆU VỀ NGƯỜI MINH HƯƠNG TRONG ĐẠI NAM THỰC LỤC

Đại Nam thực lục là bộ chính sử của triều Nguyễn, được biên soạn bằng chữ Hán qua nhiều đời vua, có nội dung rất lớn và phong phú. Bộ sử gồm hai phần Tiền biên (ghi chép về chúa Nguyễn) và Chính biên (ghi chép về vua Nguyễn), bao quát toàn bộ 367 năm lịch sử Đàng trong và Việt Nam trong thời kỳ cai trị của dòng họ Nguyễn, bắt đầu từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ vùng Thuận Hóa (1558), và kết thúc ở năm cuối cùng của đời vua Khải Định (1925). Tác phẩm đề cập đến hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội kinh tế, chính trị, văn hóa và

quân sự của Việt Nam ở các giai đoạn lịch sử được phản ánh.

Trong tác phẩm sử học đồ sộ này, có một lượng lớn các ghi chép về các nhóm người Hoa tại Việt Nam, cũng như những chính sách mà chính quyền nhà Nguyễn đề ra với họ trên từng vấn đề, từng thời kỳ khác nhau. Riêng về người Minh Hương, theo thống kê của chúng tôi, *Đại Nam thực lục* có ghi chép tất cả là 150 mục⁽¹⁾. Những ghi chép này được mở đầu với sự kiện di thần nhà Minh tìm đến Đàng Trong vào năm 1679 (năm thứ 34 đời chúa Nguyễn Phúc Tần) và dừng lại ở mục chép về Trần Đức Thắng, một người Minh Hương, bị bắt vì lôi kéo người tham gia vào Thiên Địa hội vào năm 1917 (Khải Định thứ 2). Chúng được phân bố qua các giai đoạn lịch sử như sau: Thời các chúa Nguyễn có 43 mục ghi chép, thời Gia Long (tính cả giai đoạn trước tháng 5 năm 1802, khi Nguyễn Ánh còn ở ngôi vương, chưa lên

Lê Thị Vĩ Phương. Thạc sĩ. Trung tâm Văn học và Ngôn ngữ học. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Bài viết được thực hiện trên cơ sở Đề tài cấp Viện năm 2014: *Người Hoa trên đất Việt Nam qua Đại Nam thực lục*, do Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.

ngôi hoàng đế) 37 mục, Minh Mệnh 35 mục, Thiệu Trị 14 mục, Tự Đức 16 mục, Thành Thái 2 mục, Duy Tân 2 mục và Khải Định 1 mục.

Về nội dung, phần lớn những ghi chép về người Minh Hương vào thời chúa Nguyễn và thời Gia Long xoay quanh các nhân vật Dương Ngạn Địch, Trần Thắng Tài và Mạc Cửu cùng thuộc tướng và các con cháu đời sau của họ. Những ghi chép này phản ánh lịch sử của các nhân vật Minh Hương nổi bật, đặc biệt là dòng họ Mạc ở Hà Tiên, qua đó phục dựng một quá trình tìm đến, gắn bó và định cư lâu dài của các thế hệ Minh Hương đầu tiên tại Việt Nam. Ngoài ra, thời gian này, bộ sử còn có một số ghi nhận về việc bổ nhiệm người Minh Hương vào các vị trí như cai phố hay đảm nhiệm việc sang Trung Quốc mua hàng hóa, và chỉ dụ tha đao dịch, miễn kén lính cho riêng cộng đồng Minh Hương ở một số địa phương.

Sang thời Minh Mệnh, những ghi chép về con cháu Mạc Cửu trong *Đại Nam thực lục* vẫn còn chiếm một dung lượng lớn, nhưng lúc này các sử gia nhà Nguyễn đã quan tâm nhiều hơn đến cộng đồng Minh Hương nói chung. Các quy định về thuế lệ và duyệt tuyển đối với người Minh Hương bắt đầu được ban hành và hoàn thiện cùng với việc sửa đổi chữ “Hương”⁽²⁾ trong tên gọi Minh Hương cho thấy đã có một sự quản lý hành chính khá toàn diện của chính quyền đối với cộng đồng này. Bên cạnh đó các ghi chép cũng cho thấy sự ưu ái của nhà Nguyễn dành cho người Minh Hương, sự tham gia tích cực của cộng đồng Minh Hương và của những cá nhân

Minh Hương bình thường vào đời sống xã hội Việt Nam.

Thời Thiệu Trị chỉ kéo dài 7 năm nhưng cũng có không ít ghi chép về người Minh Hương. Thời gian này, bộ sử chủ yếu ghi nhận một nội dung mới về người Minh Hương, đó là họ cùng với người Thanh, người Mán, người Nùng được liệt vào hạng dự thưởng trong những kỳ ban ơn của vua, một điều thường chỉ dành cho dân Việt. Và cũng chính giai đoạn này, khái niệm Minh Hương đã chính thức mở rộng nội hàm một cách mạnh mẽ, tất cả con cái người Thanh sinh ra tại Việt Nam khi đến 18 tuổi phải được biên vào sổ Minh Hương.

Thời Tự Đức, kế thừa Thiệu Trị, tiếp tục duy trì việc cho người Minh Hương, người Thanh... dự thưởng trong các dịp ban ân. Giai đoạn này bộ sử cũng đề cập đến việc quy định lại về lệ thuế dành cho người Minh Hương, đồng nhất họ và người Thanh về thuế năm (đồng niên thuế - 全年稅) phải đóng bằng bạc thực, không cho chiếu giá nộp tiền như trước.

Sau thời Tự Đức, *Đại Nam thực lục* rất ít ghi chép về người Minh Hương, và chỉ có một ghi chép đáng chú ý là vào năm Duy Tân thứ 3 đã cho đưa trường hợp đền Quan Công tỉnh Quảng Ngãi (thuộc xã Minh Hương) vào tự điển – sách ghi chép về các trường hợp cúng tế chính thức của quốc gia. Lý do của việc ít ghi chép này có thể là vì trong thời gian này, thực dân Pháp đã cai trị hoàn toàn xứ Nam Kỳ, bảo hộ Bắc Kỳ và chỉ chừa lại quyền tự trị trên danh nghĩa vùng Trung Kỳ cho nhà Nguyễn. Những vấn đề về người Hoa và người Minh Hương tại hai

vùng Nam Kỳ, Bắc Kỳ, những nơi họ tập trung đông đảo, đều do người Pháp quản lý, triều Nguyễn ít khi được biết đến hay can thiệp.

Nhìn chung, những ghi chép về người Minh Hương trong *Đại Nam thực lục* tái hiện khá toàn diện lịch sử hình thành và tồn tại của cộng đồng này trong xã hội Việt Nam, đồng thời cũng cho thấy một quá trình biến đổi về nội hàm khái niệm Minh Hương của nhà Nguyễn nhằm tăng cường quản lý và tạo điều kiện cho người Hoa hòa đồng ngày càng nhiều hơn vào xã hội sở tại.

2. NGƯỜI MINH HƯƠNG VÀ QUÁ TRÌNH MỞ RỘNG CỘNG ĐỒNG MINH HƯƠNG DƯỚI THỜI NHÀ NGUYỄN

2.1. Cộng đồng Minh Hương đầu tiên tại Việt Nam

Sách *Hải ngoại ký sự* của Thích Đại Sán, viết vào năm 1695, có những ghi nhận khá sắc sảo về nhóm người Trung Hoa tại Thuận Quảng mà ông tiếp xúc. Trong đoạn kể lại việc một người phụ nữ ở Hội An có chồng là người tỉnh Mân (Phúc Kiến) phạm tội nặng bị xử tử, đến kêu cứu với ông, tác giả viết: “Y thị kêu rất khẩn thiết. Vừa rồi xưng Trung Hoa làm Đại Minh, người ấy chỉ biết tiên triều, cũng như các phụ lão ở Đào Nguyên chỉ biết có nhà Tần vậy⁽³⁾” (1963 (d.), tr. 97-98), không những thế ông còn cho biết: “Vì Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba bốn dặm, gọi là Đại Đường Cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thấy đều người Phúc Kiến, vẫn ăn mặc theo lối tiên triều (nhà Minh)” (tr. 154).

Sự mô tả này khắc họa rõ nét cả về lai lịch lẫn đặc điểm văn hóa của người Minh tại Việt Nam. Họ là bộ phận người Minh đã đến Việt Nam cư trú khá lâu, khi nhà Minh vẫn còn cai trị Trung Quốc và trong tâm tưởng của họ không hề có bóng dáng triều Thanh, họ vẫn giữ tập quán ăn mặc và chắc chắn là cả kiểu đầu tóc của người Minh. Trong các văn bản có đề cập, họ được gọi là “Bắc khách – khách đến từ phương Bắc” (*Phủ biên tạp lục*), hay gọi theo nguyên quán như “Phúc Kiến nhân – người Phúc Kiến” (*Hải ngoại ký sự*). Một số nghiên cứu về các dòng họ gốc Hoa tại làng Minh Hương trước đây của Huế cũng cho thấy sự tồn tại lâu đời, khoảng từ thời đầu thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, của nhóm người Minh thương nhân⁽⁴⁾.

Một bộ phận người Minh khác ở Việt Nam chính là nhóm mà những người như Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, Mạc Cửu... đại diện. Nhóm này không đến Đàng Trong vì mục đích buôn bán để rồi bị “mắc kẹt” tại đây khi xảy ra cục diện thay đổi vương triều ở Trung Quốc như những người Minh tại Hội An nói trên. Họ là những di thần của nhà Minh, vì trung thành với nhà Minh, bất phục triều đình Mãn Thanh nên mới rời bỏ đất nước sang Việt Nam. Và tên gọi Minh Hương ban đầu (明香 – những người giữ hương hỏa nhà Minh) với chữ Hương (香 - nghĩa là hương hỏa), mang sự hoài niệm về triều Minh đã mất, chắc chắn xuất hiện từ khi có nhóm người trung thành với nhà Minh này tìm đến. Vì thế, không khó để xác nhận rằng hai chữ “Minh Hương - 明香” chính là tên tự gọi

của người Minh tại Việt Nam. Cái tên gọi này khẳng định một cách dứt khoát rằng họ không thuộc về Trung Hoa của nhà Thanh, họ chỉ là con dân cũ của Minh triều đã mất⁽⁵⁾.

Tuy có sự khác nhau về lý do có mặt tại Việt Nam nhưng hai nhóm người này đều giống nhau ở điểm họ là dân nhà Minh, giữ được những nét văn hóa Hán, và cự tuyệt hoặc hoàn toàn xa lạ với những đặc trưng văn hóa tiêu biểu của nhà Thanh ở Trung Quốc. Đây chính là những nét phân biệt rõ họ với người Thanh đến Việt Nam sau này, ăn mặc theo lối Mãn Thanh, đàn ông phải cạo một phần tóc và tết đuôi sam. Những điểm chung đó khiến họ hợp nhất vào một cộng đồng Minh Hương theo nghĩa nguyên thủy của tên gọi này, chỉ những nhóm người Hoa vốn là thần dân của triều Minh ở Trung Quốc sang cư ngụ tại Việt Nam. Tên gọi “Minh Hương” cũng được thống nhất dùng làm tên cho đơn vị hành chính cấp làng xã của cộng đồng người Minh Hương ở các địa phương trong cả nước.

Ra đi khỏi lãnh thổ Trung Quốc và từ chối thân phận là con dân của triều Thanh đang cai trị trên lãnh thổ ấy, những người Minh đầu tiên đến Việt Nam thật sự là một tập đoàn lưu vong lý tưởng cho việc hình thành nên một cộng đồng mang màu sắc tộc người mới tại Việt Nam với một nguồn gốc chung, một cái tên tự gọi, một ý thức tự nhận, cùng những mối liên kết kinh tế hết sức rõ rệt.

Khi những nhân vật Minh Hương nổi bật ở nhóm thứ hai xuất hiện, tham gia vào hoạt động mở mang, khai phá các vùng đất mới, lập được nhiều công trạng với

triều Nguyễn thì cả cộng đồng Minh Hương đã dần xác lập được chỗ đứng vững chắc của mình vào xã hội Việt Nam. Họ mặc nhiên được nhập tịch thành thần dân nhà Nguyễn mà không có bất cứ sự miễn cưỡng nào từ cả hai phía: người cầm quyền và bản thân họ. Nguồn tư liệu phong phú về các họ Trần (Trần Thượng Xuyên, Trần Đại Định, Trần Thắng Tài), họ Mạc (Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích, Mạc Tử Sinh..., Mạc Công Bính..., Mạc Hầu Hi, Mạc Văn Phong) trong *Đại Nam thực lục* đã cho thấy quá trình này một cách khách quan và sinh động. Tên gọi Minh Hương từ chỗ chỉ một nhóm người di cư xin làm thần dân nhà Nguyễn, đã chính thức trở thành một khái niệm “người Việt gốc Minh”.

Với tư cách là một cộng đồng thiểu số có nguồn gốc nhập cư và được xác lập thân phận thần dân tại Việt Nam, người Minh Hương được hưởng quy chế Minh Hương dành riêng cho mình. Quy chế đó xác nhận tư cách công dân của họ tại Việt Nam qua việc quản lý hành chính làng xã và hộ tịch cũng như việc học hành, thi cử và bổ dụng vào bộ máy nhà nước. Nhưng nó đồng thời cũng lưu ý đến nguồn gốc xuất xứ của họ với những quy định riêng về thuế khóa, dao dịch, đi lính và kể cả một số chức năng riêng như thu thuế tàu buôn nước Thanh, quản lý và bảo lãnh người Thanh nhập cư... cho một xã Minh Hương. Quy chế này bảo đảm cho người Minh Hương một môi trường xã hội ổn định với nhiều điều kiện thuận lợi để sinh sống và phát triển.

Tuy vậy, các tư liệu lịch sử cũng cho thấy quá trình hình thành, mở rộng cộng

đồng của người Minh Hương diễn ra không hề đơn giản. Từ một cộng đồng đầu tiên có những đặc trưng rõ nét về nguồn gốc xuất xứ, về ý thức chính trị và cả về bản sắc văn hóa, trong quá trình tồn tại của mình, dưới tác động của các yếu tố lịch sử và chính sách của nhà Nguyễn, cộng đồng Minh Hương đã có nhiều biến đổi so với nội hàm ý nghĩa ban đầu của mình.

2.2. Quá trình mở rộng cộng đồng Minh Hương

Người Thanh đến Việt Nam một cách hợp pháp và đông đảo là từ sau khi triều đình Thanh dập tắt những cuộc phản kháng cuối cùng của các nhóm phản Thanh phục Minh cả trên đất liền và vùng hải đảo, đồng thời xóa bỏ lệnh cấm xuống biển vào năm 1685. Khi các tổ chức người Thanh đầu tiên, tiền thân của bang, được thành lập ở Việt Nam vào khoảng năm 1790 thì cộng đồng Minh Hương ở đây đã tồn tại khoảng một trăm năm.

Sự quan tâm sâu sắc đầu tiên của triều Nguyễn đối với cộng đồng Minh Hương nói chung được ghi nhận trong *Đại Nam thực lục* là vào thời Minh Mệnh. Trước năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), người Minh Hương ở các địa phương nộp những mức thuế rất khác nhau. Có nơi mỗi người nộp 2 lạng bạc, có nơi nộp thuế thân và tiền đầu quan là 1 quan 5 tiền, có nơi mỗi người nộp 2 tấm vải và 1 quan 5 tiền... Trước tình hình đó, bộ Hộ bàn và tâu xin cho thống nhất mức thuế mỗi người Minh Hương một năm nộp 2 lạng bạc, dân đinh, lão, tật thì nộp một nửa, miễn cho thuế thân và dao dịch (Tập 8, 1964 (d.), tr. 86)⁽⁶⁾. Mức thuế năm

này có một sự cách biệt rõ với thuế thân 1 quan 5 tiền của người Việt, và gần với mức thuế 6 quan 5 tiền của người Thanh, theo giá bạc nhà nước đương thời dao động từ 2,3 – 2,8 quan một lạng bạc (Đỗ Bang, 1997, tr. 23). Đồng thời, trong lời tâu xin nhân sự kiện này bộ thần đã nói về người Minh Hương: “Vả họ là người Thanh đến nương tựa lâu năm,...”.

Một mức thuế tiệm cận với người Thanh kèm theo lời nhận định này rất đáng để chúng ta suy ngẫm lại về nội hàm của cộng đồng Minh Hương nếu giả thiết rằng hai chữ “người Thanh (Thanh nhân 清人)” ở đây, kèm sau nó là mệnh đề “nương tựa lâu năm”, không phải đơn giản chỉ là một cách nói tránh do sự quan không muốn dùng từ “người Minh”, vì ngại làm mất lòng triều Thanh. Phải chăng đã có một sự mở rộng nội hàm Minh Hương từ khá lâu, khiến cho bên cạnh các thế hệ người Minh không ngừng đồng hóa và một phần không nhỏ đã hoàn toàn trở thành người Việt, một bộ phận người Thanh cũng được xếp vào cộng đồng này. Câu hỏi trên đưa chúng ta trở lại những ghi chép năm 1698, khi Nguyễn Hữu Cảnh đi kinh lý vùng đất Gia Định đã “... lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn lập làm xã Minh Hương 明香 (nay là 明鄉). Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ [của ta]” (Tập 1, 1962 (d.), tr. 154). Theo khảo cứu của Đỗ Bang và một số nhà nghiên cứu khác, “Thanh Hà” vốn là tên một xã của người Việt tại Phú Xuân, sau đó trở thành tên một cảng thị sầm uất được xây dựng nên từ một phần đất của xã này. Và vì vào thời thịnh đạt của

cảng thị này, phần lớn chủ buôn ở đây đều là người Hoa nên nó còn được gọi là “Đại Minh khách phố”. Vì thế, ngay từ đầu, hai cái tên Thanh Hà và Minh Hương đều sớm gắn với người Minh, và sau này là cộng đồng Minh Hương, sang buôn bán ở Phú Xuân. Từ “người Thanh” trong đoạn trích trên từ *Đại Nam thực lục* chắc chắn là gồm cả người Minh trong một cách nói né tránh để không mất lòng nhà Thanh, nhưng nó cũng bao hàm cả những người Thanh trong câu: “Từ đó, người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ [của ta]”. Chúng ta biết rằng, khi các di thần nhà Minh khai mở phố xá ở vùng đất này, họ đã thu hút không ít người Thanh, cũng như người các nước khác đến đây buôn bán và lập phố chợ.

Như vậy, dù là “Minh Hương” hay “Thanh Hà” thì chúng đều là tên gọi của những đơn vị hành chính dành cho người Minh Hương. Và trước khi có một tổ chức dành riêng cho mình thì người Thanh cư trú ổn định tại Việt Nam cũng được xếp vào đây, trở thành người Minh Hương gốc Thanh. Vì thế, hoàn toàn có cơ sở để chúng ta xác nhận rằng cho đến năm 1826, khi thống nhất mức thuế cho người Minh Hương, thì tiêu chí nhận dạng một thành viên Minh Hương là “người Thanh” (hiểu theo nghĩa là cả người Minh và người Thanh) “nương tựa lâu năm”. Bộ phận người Thanh trong cộng đồng Minh Hương này chính là những “người Minh Hương tục thêm – Minh Hương tăng tục” (明香增續) trong các kỳ duyệt tuyển của nhà Nguyễn (Tập 8, 1964 (d.), tr. 192).

Sự mở rộng đối tượng thuộc quy chế Minh

Hương này đã phần nào làm nhạt nhòa ý nghĩa của chữ “hương (香) – có nghĩa là hương hỏa” trong tên gọi Minh Hương ban đầu. Đây cũng là một trong những lý do khiến vua Minh Mệnh vào năm 1827 cho đổi tên xã Minh Hương (明香) ở các địa phương thành Minh Hương (明鄉), chữ “hương” (鄉) – có nghĩa là làng, một đơn vị hành chính của người Việt. Việc làm này của triều đình đã mở rộng khái niệm Minh Hương, từ “Minh - 明” lúc này không những chỉ riêng về triều Minh đã mất, mà giống như các từ “Hán – 漢” hay “Đường – 唐”, nó còn dùng để đại diện cho Trung Hoa ở nước ngoài, chỉ gốc gác của dân chúng. Vì thế, nguyên nghĩa “hậu duệ hương hỏa của triều Minh” của từ Minh Hương giờ đã chuyển sang ý nghĩa “làng người Việt gốc Trung Hoa”.

Xu hướng mở rộng khái niệm Minh Hương của triều Nguyễn càng được khẳng định rõ hơn trong sự kiện đổi định lệ thuế của người Thanh, người Man, người Nùng ở các trấn Bắc Thành vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830). Theo đó, người Thanh ở các trấn này trước đây được gọi là Bắc khách, nay chuẩn cho đổi làm Minh Hương (Tập 10, 1964 (d.), tr. 187-188). Lúc này, hai chữ Minh Hương có ý nghĩa như một dạng quốc tịch được dùng để đồng hóa những “Bắc khách” đã đến cư ngụ trước đó vào xã hội Việt Nam, biến họ thành thần dân của nhà Nguyễn. Theo quy định mới này đã có nhiều xã Minh Hương được thành lập ở Bắc Thành mà thành viên của nó là người Thanh. Như tỉnh Nam Định năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) tâu nói: Nguyên người Thanh đến kiều ngụ ở tỉnh ấy từ

trước đến giờ biên là xã Minh Hương (Tập 24, 1971 (d.), tr. 358).

Cho đến hết thời Minh Mệnh, sổ tịch Minh Hương chỉ mới mở rộng đến những nhóm người Thanh cư ngụ lâu năm hay rải rác tại các địa phương, dưới dạng một phương tiện thuận tiện cho việc quản lý hành chính, và nó chưa chạm đến người Thanh ở các tổ chức hàng bang. Nhưng đến thời Thiệu Trị, nhà Nguyễn đã nắm quyền quản lý trực tiếp con người ở các bang này. Tháng tư, năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), “Bộ Hộ tâu xin chuẩn cho những người Hoa kiều khi mới hợp lại thì đăng vào sổ hàng bang; con và cháu sinh ra, cứ đến 18 tuổi thì biên vào sổ đình Minh Hương. Trước đây, người nào đã mạo biên tên thì cho thú ra để biên lại.” (Tập 24, 1971 (d.), tr. 358). Lời tâu xin này được chuẩn cho thi hành trong cả nước và nó làm nảy sinh ra những tên gọi mới trong quản lý hộ tịch đó là “Minh Hương thuộc vào từ trước – Cựu thuộc Minh Hương 舊屬明鄉” và “Minh Hương mới lệ thuộc – Tân thuộc Minh Hương 新屬明鄉”. Khi đề cập đến sự kiện này, *Đại Nam hội điển sự lệ* còn cho biết thêm, con cháu của người Thanh không những phải ghi vào sổ Minh Hương mà còn không được “gạt tóc để đuôi sam” theo tục lệ Mãn Châu, và khi có đủ 5 người phải lập tức lập thành xã Minh Hương riêng (Tập 4, 1993 (d.), tr. 311). Mặc dù không có con số hộ tịch Minh Hương tăng lên cụ thể sau quy định này, nhưng có thể thấy một sự thật là con số này không nhỏ và các bang người Hoa chỉ có thể bổ sung người từ nguồn nhập cư.

Quy định này của triều Nguyễn nhằm quản lý chặt chẽ hơn nữa và hạn chế bớt sự ảnh hưởng cũng như dần dần đồng hóa một cộng đồng người Thanh nhập cư đông đảo trên lãnh thổ của mình. Tuy nhiên, không thể nói quy định mới này hoàn toàn là một sự cưỡng chế đối với người Thanh và con cháu họ ở các bang. Trong khi mở rộng đến con cháu Hoa kiều, quy chế Minh Hương vẫn duy trì tinh thần là một quy chế dành cho dân Việt Nam có xuất xứ ngoại quốc. Theo đó, không hề có bất cứ sự phân biệt nào giữa người Minh Hương tân thuộc và người Minh Hương cựu thuộc. Ở một khía cạnh nào đó, nó đã đáp ứng được nhu cầu của thể hệ người Thanh thứ hai sinh tại Việt Nam đó là được tham gia trọn vẹn vào đời sống xã hội của đất nước mà họ sinh ra và lớn lên trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị. Họ được học hành, thi cử và bước vào quan trường, không bị giới hạn trong không gian bang hội với hoạt động kiếm sống là chủ yếu. Bằng chứng là ngay sau khi quy định này được thực hiện, ở tỉnh Quảng Ngãi có con một người Thanh trước theo quê mẹ thi đỗ tú tài, rồi tự thú xin cải chính (Tập 25, 1971 (d.), tr. 24). Nếu triều đình không quá nghiêm khắc khi xử lý vụ việc này, cắt bỏ danh vị tú tài của người này rồi mới chuyển anh ta sang hộ tịch Minh Hương, thì sẽ còn nhiều trường hợp tự thú tương tự.

THAY LỜI KẾT

Quá trình mở rộng cộng đồng của người Minh Hương tại Việt Nam là một quá trình phức tạp và kéo dài hàng thế kỷ. Trong đó, bên cạnh những xu hướng lịch sử không thể cưỡng lại như sự đồng

nhất dần vào người Việt của các thế hệ Minh Hương gốc, thì các chính sách của nhà Nguyễn cũng gây ra những ảnh hưởng đáng kể. Cộng đồng Minh Hương đã không ngừng mở rộng thành phần của mình, cuối cùng tạo ra cho nó một sức chứa lớn hơn, dung nạp cùng lúc hai nhóm người Hoa, một nhóm là các hậu duệ của người Minh xa xưa và một nhóm là những người Thanh hoặc con cháu của họ tục thêm sau này. Và cho đến giai đoạn cuối của nhà Nguyễn, người Minh Hương vẫn được công nhận như những thần dân Việt Nam. Khi người Pháp đô hộ Việt Nam, thì cộng đồng này vẫn được xác nhận là một cộng đồng được

hưởng quy chế dành cho người bản địa, khác với Hoa kiều ở các bang hưởng quy chế ngoại kiều.

Có thể thấy, trước sự tăng lên ngày càng nhiều của những nhóm Hoa kiều (người Thanh) tại Việt Nam, cộng đồng Minh Hương với ý nghĩa là một cộng đồng người Việt gốc Hoa, đã được nhà Nguyễn sử dụng như một công cụ mềm dẻo để dần hòa đồng người Hoa vào xã hội của mình. Đồng thời các chính sách của nhà Nguyễn về cộng đồng này cũng thể hiện mạnh mẽ quyền lực cai trị của triều Nguyễn đối với các cộng đồng dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Thống kê của chúng tôi bao gồm các mục ghi chép chung về cộng đồng Minh Hương, các cá nhân được sử gia xác nhận là người Minh Hương, cùng những nhân vật Minh Hương nổi bật thời kỳ đầu, có vai trò quan trọng trong việc hình thành cộng đồng này là Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, Mạc Cửu cùng thuộc tướng và con cháu của họ.

⁽²⁾ Từ chữ hương (香) có nghĩa là hương hỏa, sang chữ hương (鄉) có nghĩa là làng.

⁽³⁾ Tác phẩm *Đào Hoa nguyên ký* của Đào Tiềm có kể về một nhóm người sống tách biệt với thế giới bên ngoài trong một động lớn. Tổ tiên họ vì trốn loạn đời nhà Tần nên mới dẫn nhau tìm đến đây rồi không ra ngoài nữa, vì thế họ chỉ biết có đời Tần, không biết các đời sau: Hán, Ngụy hay Tấn...

⁽⁴⁾ Xem các bài viết *Quá trình tự cư lập làng ở Hương Vinh* của Nguyễn Quang Trung Tiến: http://kuir.jm.kansai-u.ac.jp/dspace/bitstream/10112/3424/1/hue_1.pdf; *Lịch sử di cư và nghi lễ thờ cúng tổ tiên của các dòng họ gốc Hoa ở Hương Vinh* của Kimura Mizuka: http://kuir.jm.kansai-u.ac.jp/dspace/bitstream/10112/3428/1/hue_5.pdf.

⁽⁵⁾ Theo ghi chép trong *Hương ước và tiểu sử các vị tiền bối* thì tên Minh Hương mới có từ khi Trần Thượng Xuyên lập đền thờ Minh Hương ở Biên Hòa (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1950, tr. 21), tức là sau năm 1679. Còn trong *Đại Nam thực lục*, cái tên này được ghi nhận vào sớm nhất là vào năm 1698, cùng với tên Thanh Hà, được dùng đặt cho các xã có người Hoa cư trú tại Gia Định, khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lý vùng đất Nam Bộ (Tiền biên, 1962, tr. 154). Tuy nhiên, theo nhà nghiên cứu Đỗ Bang thì cùng với tên Thanh Hà, tên gọi Minh Hương đã có từ trước, vào giữa thế kỷ XVII ở vùng Thuận Quảng, là tên làng của người Minh đến cư trú buôn bán (Đỗ Bang, 1993, tr. 103).

⁽⁶⁾ Trong những trường hợp dẫn nguồn chỉ nêu số tập không có tên tác phẩm, xin hiểu là tác phẩm *Đại Nam thực lục* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn và được dịch bởi Viện Sử học.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Bang. 1993. *Phố cảng vùng Thuận Quảng thế kỷ XVII – XVIII* (Luận án). Hà Nội: Trường

Đại học Tổng hợp Hà Nội.

2. Đỗ Bang. 1997. *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
3. Hội Minh Hương Gia Thạnh. 1950. *Hương ước và tiểu sử các vị tiền bối*. Sài Gòn.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn. Nguyễn Trọng Hân, Trương Văn Chính dịch. 1993(d.). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Tập 4. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. Viện Sử học dịch. 1962, 1964, 1964, 1971, 1971 (d.). *Đại Nam Thực lục*. Tập 1, 8, 10, 24, 25. Hà Nội: Nxb. Viện Sử học.
6. Thích Đại Sán. 1963(d.). *Hải ngoại kỷ sự*. Huế: Viện Đại học Huế.